

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38** /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 7 – 2024
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Chị H Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Chị Phạm Thị Duyên.

Chị Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Chị Phạm Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Chị Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 167/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2023, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Thùy L** - sinh năm 1978; CCCD số 075178012993 cấp ngày 12/8/2021.

Địa chỉ: tổ 4, khu phố T, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Lê Đức H** - sinh năm: 1984

Nơi thường trú: Số 121/11, khu phố T, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang chấp hành án tại trại giam Z30A, đội 5, phân trại số 04 trại giam Xuân Lộc.

(Chị L, anh H đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Thùy L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Lê Đức H quen biết, tìm hiểu khoảng 02 năm thì tự nguyện kết hôn và được UBND thị trấn Dầu Giây, huyện Thống

Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/5/2015. Đây là hôn nhân lần thứ hai của chị L, hôn nhân lần đầu đã được Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất cho ly hôn theo quyết định canh nhận sự thỏa thuận của đương sự số 95/2013/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình khanh hợp nên thường xảy ra mâu thuẫn xúc phạm nhau. Anh H thường xuyên uống rượu say xỉn, khi say do không làm chủ được bản thân mình nên thường dùng những lời lẽ thiếu văn hóa xúc phạm danh dự nhân phẩm chị L, thậm chí vợ chồng còn xảy ra xô xát. Vào năm 2020, anh H uống rượu say xỉn có lời lẽ xúc phạm chị, hai vợ chồng lời qua tiếng lại, anh trai chị L có vào can thiệp thì anh H dùng dao gây thương tích cho anh trai chị L sau đó bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất đã xử phạt 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Cũng từ năm 2020, anh H đi chấp hành án tại trại giam Xuân Lộc. Do không còn tình cảm gì với anh H nữa nên chị L chưa một lần thăm nuôi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đức H.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Lê H Thư, sinh ngày 02/11/2016. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Hiện tại chị L làm canh nhân, thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng. Con chung hiện nay đang sống cùng chị L.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của bị đơn anh Lê Đức H:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị L có quen biết tìm hiểu nhau khoảng 02 năm thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và được UBND xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất (nay là thị trấn Dầu Giây) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/5/2015.

Sau khi kết hôn vợ chồng về thuê nhà tại khu phố Trần Hưng Đạo, thị trấn Dầu Giây để chung sống.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ sau khi kết hôn, nguyên nhân do anh giao lưu quan hệ bạn bè nên có uống rượu, khi say do chị L có dùng những lời nói khó nghe xúc phạm anh nên có lúc anh không giữ được bình tĩnh dẫn tới vợ chồng xảy ra xô xát.

Vào năm 2020, do mâu thuẫn trong gia đình nên anh H có gây thương tích cho anh trai của chị L là anh Võ Ngọc A và bị Tòa án xử phạt 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Hiện tại anh H không còn tình cảm với chị L tuy nhiên anh đang phải chấp hành hình phạt tù nên không đồng ý ly hôn đề nghị Tòa án chờ đến khi anh H chấp hành án xong mới giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 02/11/2016. Khi ly hôn anh H đồng ý giao cháu Thư cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, anh H và không cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:**

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, tuy nhiên ngày 03/6/2024 nguyên đơn chị L có “Đơn xin xét xử vắng mặt”, đồng thời do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt do đang chấp hành án tại trại giam nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Thùy L được ly hôn với anh Lê Đức H; Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 02/11/2016 cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc chị Võ Thị Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết nuôi con chung, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn anh Lê Đức H có nơi thường trú tại số 121/11, khu phố T, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Võ Thị Thùy L và anh Lê Đức H tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai (nay là thị trấn Dầu Giây) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/5/2015. Căn cứ các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân của chị L, anh H là hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2016, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, anh H thường uống rượu say xỉn và có chửi bới đánh đập chị. Lời trình bày của chị L được anh H thừa nhận. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án cả anh H và chị L đều khẳng định vợ chồng không còn tình cảm với nhau tuy nhiên anh H không đồng ý ly hôn do muốn chấp hành xong bản án mới giải quyết vấn đề ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân của chị L và anh H đã thiếu sự yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, trong thời gian anh H chấp hành án tại trại giam chị L cũng không một lần thăm nuôi. Anh chị cũng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến không có điều kiện hàn gắn tình cảm để tiếp tục chung sống. Xét thấy cuộc sống chung của chị L, anh H không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Vợ chồng chị L và anh H chung sống có 01 (một) con chung là cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 02/11/2016, hiện đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời chị L cũng đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con nếu tòa án giải quyết cho ly hôn.

Ý kiến của anh H và chị L thống nhất thỏa thuận việc chị L sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét chị L đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng các con, việc thỏa thuận nuôi con của anh chị cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận về thỏa thuận nuôi con chung của chị L và anh H.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thùy L về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Võ Thị Thùy L được ly hôn với anh Lê Đức H.

2. *Về nuôi con chung:* Giao cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 02/11/2016 cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H do chị L không yêu cầu.

Anh Lê Đức H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Võ Thị Thùy L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007567 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Võ Thị Thùy L và anh Lê Đức H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- UBND TT. Dầu Giây, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai (số ĐKKH 59/2015 ngày 20/5/2015);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lan

